

## **APEC VÀ Ý TƯỞNG THÀNH LẬP KHU VỰC M U D CH T DO CHÂU Á - THÁI BÌNH D ƠNG**

*Phạm Quốc Trọng \**

*xuất bản Hội đồng Tư vấn kinh doanh, ý tưởng về Khu vực Mậu dịch do châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP) đã dần dần của APEC chấp nhận như là một sự lựa chọn trong tương lai dài hạn và đang được nghiên cứu, thảo luận trên nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt là các tác động của nó và các cách thức có thể biến sáng kiến này thành hiện thực. Mối quan tâm sâu sắc của APEC về việc tương lai của chính mình có ảnh hưởng đến sự thịnh vượng chia sẻ lợi ích và quan tâm trong quá trình thảo luận về FTAAP.*

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa hai thập kỷ qua khi kết thúc Chiến tranh lạnh, hàng loạt các thỏa thuận khu vực mậu dịch tự do (FTA) đã ra đời trên khắp thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cho đến tháng 2/2010 đã có khoảng 462 thỏa thuận về mậu dịch khu vực và song phương (RTA/FTA) được thông báo cho GATT/WTO. Trong số này, 204 thỏa thuận đã có hiệu lực. WTO cũng dự báo, đến cuối năm 2010 sẽ có khoảng 400 FTA đi vào thực hiện.<sup>23</sup>

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở thành một tâm điểm của sự bùng phát các sáng kiến về khu vực mậu dịch tự do. Chỉ riêng từ năm 1999 đến năm 2006, có 30 hiệp định FTA được ký kết giữa các nước trong khu vực và khoảng 20 hiệp định FTA đang được đàm phán. Bên cạnh đó, nhiều sáng kiến FTA khác cũng đã được nêu ra và hiện đang trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Trong số các sáng kiến như vậy, đáng lưu ý là ý tưởng thành lập một khu vực mậu dịch tự do bao quát cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP).

### **I. Quá trình hình thành và phát triển ý tưởng FTAAP trong APEC**

Tại Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 12 năm 2004 tại Chi-lê, trong báo cáo về tình hình kinh tế khu vực trình các nhà lãnh đạo APEC, Hội đồng Tư vấn kinh doanh APEC (ABAC) đã kiến nghị APEC nghiên cứu khả năng xây dựng Khu vực Mậu dịch tự do châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP). Ý tưởng này được đưa ra trong bối cảnh ngành doanh nghiệp APEC thịnh vượng trở lại sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự ra đời của hàng loạt hiệp định mậu dịch tự do giữa hai hoặc một số thành viên APEC gây tác động bất lợi cho các hộ kinh doanh cá nhân và doanh nghiệp trong khu vực. Tuy nhiên, trong hai năm qua (2004, 2005), kiến nghị của ABAC không giành được sự quan tâm của các nhà lãnh đạo APEC.

Năm 2006, trở lại sự gia tăng đáng kể của các hiệp định khu vực mậu dịch tự do trên thế giới và trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương,<sup>24</sup> ABAC một lần nữa nêu lên kiến nghị xem xét việc hình thành FTAAP. Trong báo cáo và khuyến nghị trình lên Hội đồng Tư vấn và Hội đồng các nhà lãnh đạo kinh tế APEC, ABAC đã chỉ ra rằng quá nhiều FTA trong khu vực đã làm

\* TS., Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao.

<sup>23</sup> Tài liệu của Ban Thư ký WTO công bố trên website [www.wto.org](http://www.wto.org) ngày 25/5/2010.

<sup>24</sup> Đến cuối năm 2006, trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương có 35 hiệp định FTA đã có hiệu lực và 40 thỏa thuận FTA khác đang được đàm phán.

gia tăng sản phẩm, chi phí, và thụt lùi hành chính cho các hoạt động kinh doanh. Do vậy, hình thành FTAAP sẽ mang lại kinh nghiệm từ các quy định thương mại và giảm thiểu các phức tạp gây ra cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ABAC cũng cho rằng cần trở lại những thách thức của FTAAP trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện nay chính là việc thi hành chính sách chính trị phía các thành viên APEC.<sup>25</sup> Lần đầu tiên, Hội nghị cấp cao APEC Hà Nội năm 2006 đã xem xét một cách nghiêm túc kinh nghiệm trên của ABAC. Trong tuyên bố kết thúc Hội nghị, các nhà lãnh đạo đã nhấn mạnh cam kết của mình vì sự liên kết kinh tế lành mạnh trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và quy tắc thương mại các nước vì mục tiêu này, chia sẻ quan điểm của ABAC về sự cần thiết của FTAAP, đồng thời “chỉ ra các quan chức tiến hành các nghiên cứu về cách thức và biện pháp thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực, bao gồm khuyến khích xây dựng Khu vực Thương mại do châu Á - Thái Bình Dương như là một trụ cột dài hạn, và báo cáo lên Hội nghị Thượng đỉnh APEC 2007”.<sup>26</sup> Như vậy, Hội nghị cấp cao Hà Nội 2006 đã ghi nhận tầm quan trọng của những nguyên tắc FTAAP của các nhà lãnh đạo APEC nhìn nhận như là một khuyến nghị và một trụ cột trong tương lai dài hạn của APEC. Kết quả này được thể hiện sau nhiều cuộc đàm phán và tranh cãi giữa các thành viên APEC, chủ yếu là Mỹ và Trung Quốc.

Tiếp sau đó, tại Hội nghị cấp cao Xít-ni (Ô-xtrây-li-a) vào tháng 9 năm 2007, các nhà lãnh đạo APEC đã ghi nhận quan điểm của ABAC về tầm quan trọng của việc thúc đẩy sự hội nhập của các hiệp định thương mại trong khu vực, nhất là việc xem xét các lựa chọn và biện pháp tiến hành FTAAP.<sup>27</sup>

Nhà Hội nghị cấp cao Li-ma (Pê-ru) tháng 11/2008, các nhà lãnh đạo APEC đã thông qua báo cáo về “Tăng cường hợp tác kinh tế khu vực”, trong đó khuyến khích một FTAAP hợp lý phải áp dụng các tiêu chí WTO cũng (có nghĩa là các cam kết tự do hóa thương mại phi cao hơn mức hiện hành của WTO) và thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực; phải bổ sung và hỗ trợ cho việc thực hiện mục tiêu Bô-go và giúp làm giảm tính phức tạp, chèn chéo của các Hiệp định Thương mại khu vực (RTA) và các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) trong khu vực. Các nhà lãnh đạo APEC cũng chỉ ra các vấn đề nghiên cứu sâu hơn nữa gồm: các tác động của FTAAP đối với APEC, tính khả thi của FTAAP, biện pháp và cách thức tiến hành FTAAP và làm thế nào đánh giá các yêu cầu xây dựng những lợi ích từ hành các đàm phán trong tương lai.<sup>28</sup>

Tại Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 17 Xinh-ga-po tháng 11 năm 2009, ABAC tiếp tục kêu gọi các Bộ trưởng và các nhà lãnh đạo quy định các biện pháp và mô hình trình bày xây dựng FTAAP. Trong Tuyên bố kết thúc Hội nghị, các nhà lãnh đạo đã tái khẳng định cam kết với các mục tiêu Bô-go về tự do hóa thương mại và đầu tư, ghi nhận những lợi ích kinh tế mà FTAAP sẽ mang lại trong khu vực cũng như những thách thức trong quá trình xây dựng nó. Các

<sup>25</sup> Báo cáo thương niên của Hội nghị Thương mại doanh nghiệp APEC cho các nhà lãnh đạo kinh tế năm 2006, xem [www.apec.org/apec/business\\_resources/apec\\_business\\_advisory](http://www.apec.org/apec/business_resources/apec_business_advisory).

<sup>26</sup> Tuyên bố của các nhà lãnh đạo các nước kinh tế APEC tại Hội nghị cấp cao APEC Hà Nội tháng 11/2006, xem [www.apec.org/apec/leaders\\_declarations/2006.html](http://www.apec.org/apec/leaders_declarations/2006.html).

<sup>27</sup> Tuyên bố của các nhà lãnh đạo các nước kinh tế APEC tại Hội nghị cấp cao APEC Xít-ni tháng 9/2007, xem [www.apec.org/apec/leaders\\_declarations/2007.html](http://www.apec.org/apec/leaders_declarations/2007.html)

<sup>28</sup> Báo cáo trình Hội nghị các nhà lãnh đạo kinh tế APEC 2007 và Tuyên bố của Hội nghị cấp cao APEC 2007, xem [www.apec.org/apecleaders\\_declarations/2008.html](http://www.apec.org/apecleaders_declarations/2008.html)

nhà lãnh đạo công nghệ nhitiptc các n l c nh m h ng t i kh n ng xây d ng FTAAP trong t ng lai và giao cho các B tr ng, quan ch c c p cao nghiên c u các cách th c ti n t i FTAAP và trình báo cáo lên H i ngh c p cao n m 2010.<sup>29</sup>

Nh v y, có th nói t m t xu t c a gi i doanh nghi p n m 2004 và lúc u ch a thu hút c s quan tâm c a các nhà lãnh o APEC, ý t ng FTAAP d n d n c APEC a vào th o lu n trong ch ng trình ngh s , k c c p cao nh t, và ã c kh ng nh là m t kh n ng l a ch n trong dài h n c a APEC, c các h c gi và gi i ch c APEC nghiên c u c th , nh t là các cách th c i n m c tiêu này.

## **II. Các y u t thúc y hình thành ý t ng FTAAP**

V m t lý lu n, v i m t trong nh ng bi u hi n quan tr ng là s bùng n c a hàng lo t các th a thu n v khu v c m u d ch t do, xu th toàn c u hóa, khu v c hóa t sau chi n tranh L nh tr l i ây c thôi thúc ch y u b i các lý thuy t c a ch ngh a t do, c bi t là thuy t *l i th so sánh* c a nhà kinh t h c David Ricardo.<sup>30</sup> Nhi u khía c nh c a th ng m i t do c ti p t c phát tri n b i các lý thuy t gia h u sinh, áng l u ý là Jacob Viner v i thuy t *liên minh thu quan*,<sup>31</sup> R. J. Wonnacott v i thuy t *tr c và nan hoa xe p*,<sup>32</sup> Jagdish Bhagwati v i thuy t *s l a ch n t t th hai*.<sup>33</sup> góc kinh t - chính tr , thuy t *th ch*<sup>34</sup> c ng góp ph n b sung n n t ng lý lu n làm ch d a cho các ch tr ng theo u i th a thu n v m u d ch t do.

V m t th c ti n, nhi u di n bi n quan tr ng c a tình hình th gi i và khu v c ã tác ng m nh n s hình thành và phát tri n ý t ng FTAAP. ó là:

**Th nh t**, s b t c kéo dài c a vòng àm phán ô-ha làm ch m ti n trình t do hóa th ng m i toàn c u và do v y, thúc y nhi u n c t p trung vào h ng tìm ki m các th a thu n FTA song ph ng và khu v c ti p t c m r ng th tr ng qu c t , ph c v nhu c u phát tri n.

<sup>29</sup> Tuyên b c a H i ngh c p cao APEC Xinh-ga-po tháng 11 n m 2009, xem [www.apec.org/apecleaders\\_declarations/2009.html](http://www.apec.org/apecleaders_declarations/2009.html)

<sup>30</sup> Theo Ricardo, các n c s u thu c l i khi buôn bán t do v i nhau vì m i n c s t p trung vào s n xu t nh ng m t hàng mà h có l i th h n c và trao i các s n ph m ó v i các n c khác l y nh ng s n ph m mà h không t s n xu t ra. Xem D. Ricardo, *Nh ng nguyên t c c a kinh t chính tr h c và thu*, Nxb. Flammarion, Paris, 1971.

<sup>31</sup> Theo Viner, các FTA giúp t o l p th ng m i m i gi a các thành viên và làm d ch chuy n th ng m i t n c thành viên sang n c không ph i là thành viên do n c này c h ng u ãi, và do v y làm ch ch h ng th ng m i b i v i các thành viên FTA không có chính sách chung v thu quan i v i các n c bên ngoài kh i. Xem J. Viner, *V n liên minh thu*, NY: Carnegie Endowment for International Peace, 1950.

<sup>32</sup> Lý thuy t này cho r ng m t n c ký nh i u hi p nh m u d ch t do song ph ng v i các n c khác s có th óng vai trò là trung tâm tr c k t n i t do th ng m i và do v y c h ng nhi u l i ích, c bi t là các u ãi khác nhau có c nh các BFTA này (m i BFTA c xem nh m t chi c nan hoa k t n i n c i tác v i n c tr c). Xem “Th ng m i và u t trong m t h th ng tr c và nan hoa so v i khu v c m u d ch t do”, *T p chí Kinh t th gi i*, 19 (3), 1966, tr. 237-252.

<sup>33</sup> Lý thuy t này cho r ng trong b i c nh t do hóa a ph ng không chuy n ng thì t do hóa th ng m i thông qua cách a thu n m u d ch t do song ph ng (BFTA) có th là m t gi i pháp t h n và n u càng có nhi u BFTA trên th gi i thì s càng ti n g n t i m c tiêu t do hóa th ng m i toàn c u. Xem J. Bhagwati, *Protectionism*, Cambridge, Mass: The MIT Press, 1998.

<sup>34</sup> Nh ng ng i theo thuy t này ch tr ng t o ra ngày càng nhi u các th ch qu c t (t ch c, nh ch qu c t ) trong m i l nh v c. Các th ch này giúp h n ch kh n ng các qu c gia hành x tùy ti n vì l i ích c a riêng mình, do ó có th tránh c xung t và chi n tranh. Xem R. Keohane, *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy*, Princeton, N.J. Princeton University Press, 1984.

Tháng 11/2001, sau khi l h n t i Xít-t n (M ) n m 2000, vòng àm phán th ng m i toàn c u m i trong khuôn kh WTO (có tên là *Ch ng trnh ngh s phát tri n ô-ha - DDA*), ã c chính th c kh i ng t i ô-ha. Lúc u, ng i ta đ ki n vòng àm phán này s k t thúc trong vòng 5 - 6 n m. Th nh ng, ã g n m t th p k trôi qua, nó v n ch a th i n h i k t, vì v n còn nhi u v n các bên ch a t c th a thu n. H n n a, ch ng trnh ngh s c a vòng àm phán này c ng ch a bao quát c nhi u v n quan tr ng có tác ng không nh t i quá trình t do hóa th ng m i và liên k t kinh t gi a các thành viên. Nhi u v n a vào àm phán c ng không th t c th a thu n v i m c t do hóa cao nh nhi u n c thành viên mong i. Th t v ng tr c tình tr ng nh v y c a vòng àm phán ô-ha, nhi u n c ã quy t nh thúc y m nh h n các FTA khu v c và song ph ng, và h qu là trong th p k qua, khu v c châu Á - Thái Bình D ng ã ch ng ki n s phát tri n “n r ” c a các th a thu n FTA. Các n n kinh t quan tr ng trong khu v c u thi t l p FTA v i i tác. Trung Qu c, Nh t, Hàn Qu c, n u có hi p nh FTA v i ASEAN. Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân c ng ang àm phán hi p nh FTA v i ASEAN. M c ng ã ký hi p nh FTA song ph ng v i Xinh-ga-po, Hàn Qu c và ang àm phán hi p nh t ng t v i m t s n c khác. Tính n th i i m này, có t ng c ng kho ng 50 th a thu n FTA ã c ký k t, ho c ang trong quá trình àm phán, ho c ang c nghiên c u và chu n b àm phán gi a các thành viên c a APEC v i nhau ho c gi a h v i các n n kinh t ngoài APEC.

**Th hai**, trào l u phát tri n FTA th i gian g n ây ch a ng nh ng c i m m i có th nh h ng áng k n v i c tính toán c a các n c khi tham gia các FTA.

*M t là*, các FTA ra i sau này toàn đi n h n (bao quát nhi u l nh v c t th ng m i hàng hóa n d ch v , u t , lao ng, môi tr ng, mua s m công, chính sách c nh tranh, chuy n giao công ngh , h p tác nâng cao n ng l c, v.v...) và có ch t l ng cao h n (th hi n m c cam k t t do hóa cao h n k c trong nh ng l nh v c m i v n ch a c i u ch nh b i các quy nh hi n hành c a WTO và các FTA ã ra i tr c ây - Nh ng cam k t này c g i là WTO +).<sup>35</sup> Nh ng n c có trình phát tri n kinh t còn th p và n ng l c c nh tranh kém ng nhiên s g p nhi u khó kh n, thách th c khi tham gia các th a thu n FTA m i này. Do v y, các n c này c n th n tr ng khi quy t nh tham gia và tính toán k các ph ng án àm phán. *Hai là*, ph n l n các FTA hình thành châu Á - Thái Bình D ng u xoay quanh tr c là các n n kinh t l n (M , Nh t, Trung Qu c, n , Hàn Qu c, Ô-xtrây-li-a, Mê-xi-cô...). Không ít trong s các n c này mang màu s c chính tr , M tuyên b ch ch n các i tác “có kh n ng”, t c là ch các n c có ý chí chính tr và cam k t m nh i v i t i n trình t do hóa m i có th tham gia vào FTA v i M . Xét theo h ng ó, có th th y không ph i ng u nhiên mà M l a ch n Thái Lan àm phán hi p nh FTA (M coi Thái Lan là ng minh quan tr ng ngoài NATO). C ng không ph i ng u nhiên mà Nh t B n và n tr nên s t s ng àm phán th a thu n FTA v i ASEAN, sau khi Trung Qu c ký hi p nh l p khu v c m u d ch t do v i ASEAN (ACFTA). *Ba là*, s hình thành quá nhi u các FTA khu v c châu Á - Thái Bình D ng s d n n hi n t ng “bát m Ý” (spaghetti bowl) gây nhi u tác ng tiêu c c i v i quan h kinh t - th ng m i trong khu v c.

Th i gian u, m t s n c nh Xinh-ga-po, Chi-lê, và Mê-xi-cô ã óng vai trò quan tr ng trong quá trình phát tri n các FTA t i khu v c châu Á - Thái Bình D ng. G n ây, các

<sup>35</sup> Tham kh o các hi p nh FTA Nh t - Xinh-ga-po, M - Xinh-ga-po, M - Hàn Qu c.

n kinh tế lớn như M, Trung Quốc, và Nhật Bản tham gia tích cực hơn vào các FTA, do vậy, đã tạo triển vọng về cấu trúc “trung tâm và nan hoa xe đạp”, trong đó các nước lớn đóng vai trò là “trung tâm” - nằm ở vị trí trung tâm của các FTA kết nối thị trường - các nước nhỏ thì chỉ đóng vai trò giống như nan hoa xe đạp gắn vào trục trung tâm. Còn các nước như Xinh-ga-po, Chi-lê và Mê-xi-cô cũng trở thành các “trung tâm” thay thế, có thể có các mối quan hệ thương mại phức tạp hơn. Trong bối cảnh đó, các nước kinh tế nhỏ nên chú ý tìm kiếm các FTA của chính mình với các thị trường, tránh bị phân biệt đối xử. Một số nhà nghiên cứu cho rằng hiện nay mô-đen là khó tránh khỏi, ít nhất về ngắn hạn và trung hạn, khi mà các FTA khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang lên không ngừng như vậy. Robert Scollay<sup>36</sup> đã chỉ ra những hạn chế của tình trạng gia tăng quá nhiều các FTA song phương hoặc khu vực trong lòng châu Á - Thái Bình Dương, đáng lưu ý nhất là:

- Tạo ra sự phân biệt đối xử mới và thách thức cho các nước không tham gia FTA, đồng thời làm giảm tính hiệu quả của thương mại trong khu vực.

- Làm tăng chi phí giao dịch thương mại, thậm chí có thể cản trở tiến trình liên kết kinh tế khu vực, do quá nhiều FTA trùng lặp và có những quy định mâu thuẫn nhau, chồng chéo nhau về quy tắc xuất xứ.

- Làm suy giảm các nỗ lực và nguồn lực của các thành viên dành cho các tiến trình đàm phán áp dụng trong khuôn khổ APEC cũng như tại WTO.

- Trong quá trình đàm phán các FTA song phương, các nước kinh tế nhỏ yếu thường bị thiệt hại, chịu sự ép buộc mới của các nước lớn mạnh hơn, nên có thể phải chấp nhận những cam kết không cân bằng.

Tóm lại, Scollay kết luận quá nhiều các FTA có thể dẫn tới nguy cơ vỡ vụn là gần kề các mối quan hệ thương mại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hạn chế của tình trạng này chính là mất nguyên nhân quan trọng thúc đẩy tiến trình lập mô hình FTA cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

**Thay vào đó,** thay vì quá nhiều các FTA song phương, khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở thành trung tâm phát triển kinh tế năng động bằng cách thúc đẩy và, cũng như vậy, là nơi diễn ra quá trình hợp tác, liên kết kinh tế mạnh mẽ giữa các nước kinh tế trong khu vực. Đây là một tiến trình cần thiết để các nước kinh tế khu vực hội nhập với nhau một cách sâu rộng hơn trong cùng một sân chơi.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương bao quát phần các nước lớn của thế giới về diện tích và dân số kinh tế quan trọng hàng đầu như M, Trung Quốc, Nhật, Nga... Chỉ riêng các nước kinh tế là thành viên của APEC đã chiếm 1/2 dân số, 52% diện tích lãnh thổ, 70% nguồn tài nguyên thiên nhiên của thế giới và đóng góp khoảng 57% GDP và hơn 50% thương mại toàn cầu<sup>37</sup> trong tổng số 21 thành viên của APEC là thành viên của G20. Xét trên góc độ kinh tế và kinh tế thì khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí đặc biệt quan trọng: đây là nơi tiếp giáp với các siêu cường, kết nối các châu lục và là cầu nối, yếu tố liên kết giữa các nước lớn như M, Trung Quốc, Nga... với thế giới. Đây cũng là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt rất lớn, đồng thời cũng là nơi diễn ra sự trỗi dậy kinh tế của nhiều nước. Chính vì vậy, châu Á - Thái Bình

<sup>36</sup> Robert Scollay, “Preliminary Assessment of the Proposal for a Free Trade Area of the Asia-Pacific (FTAAP)”, báo cáo nghiên cứu cho ABAC, 2004.

<sup>37</sup> Ban Thư ký APEC, *APEC at a glance*, Xinh-ga-po 2010.

Dòng cung là nít p trung nhi u mâu thu n v l ích và c nh tranh vai trò, nh h ng c a các n c l n.

M t i m áng chú ý là quan h kinh t th ng m i gi a các n c trong khu v c phát tri n r t m nh trong nh ng n m qua. T n m 1992 n cu i 2008, xu t và nh p kh u n i kh i gi a các thành viên APEC t ng bình quân hàng n m t ng ng là 8,3 % và 8,7 %. T l th ng m i hàng hóa n i kh i gi a các thành viên (xu t + nh p kh u) trên t ng th ng m i c a APEC v i th gi i t ng t 69,2% n m 1989 lên 71,4% n m 1993, 72,2% n m 1995 và gi c b n m c trên 70% n n m 2003. T n m 2004 tr i t l th ng m i hàng hóa n i kh i c a APEC b gi m d n xu ng m c còn 64,9% n m 2008.<sup>38</sup> i u này khi n nhi u thành viên APEC quan ng i và mong mu n APEC t ng c ng các kh n ng và bi n pháp thúc y h n n a th ng m i n i kh i, trong ó FTAAP là m t gi i pháp l n.

i m n i b t c a khu v c châu Á - Thái Bình D ng là s phát tri n r t n ng ng c a các n n kinh t trong m y th p k g n ây, c bi t là t sau khi k t thúc Chi n tranh l nh. N u tính chung c khu v c, thì t n m 2002 n 2008, châu Á - Thái Bình D ng t m c t ng tr ng kinh t bình quân hàng n m là 5,0% (tính theo giá tr tuy t i USD theo th i giá) và 6,1% (tính theo PPP - giá trên c s s c mua). Nhi u n n kinh t trong khu v c t t ng tr ng ngo n m c trong nhi u n m liên t c, c ví nh nh ng con r ng, con h , n i b t là Trung Qu c, Hàn Qu c, ài Loan, m t s n c thành viên ASEAN, n , Bra-xin, Chi-lê, Mê-xi-cô, Ác-hen-ti-na. Các n c này cùng v i nh ng n n kinh t hàng u th gi i nh M , Nh t, Ô-xtrây-li-a h p thành m t t ng th gi vai trò ch o và d n d t kinh t th gi i. S phát tri n n ng ng c a khu v c châu Á - Thái Bình D ng c ng ng th i là m t nhân t quan tr ng thúc y quá trình liên k t kinh t khu v c. Nhi u n c trong khu v c này coi liên k t kinh t khu v c thông qua các FTA a ph ng và song ph ng nh là chính sách u tiên c a mình.

Hi n nay, t i khu v c châu Á - Thái Bình D ng, ngoài các hi p nh FTA ã ký k t ho c ang trong giai o n àm phán, còn xu t hi n nhi u sáng ki n liên k t kinh t khác bên c nh sáng ki n FTAAP. áng l u ý là sáng ki n do Ô-xtrây-li-a xu t v “C ng ng châu Á - Thái Bình D ng” (APC) trên c s t p h p ba đ i n àn khu v c hi n nay là C p cao ông Á, Di n àn An ninh Khu v c ASEAN (ARF) và APEC, ý t ng thành l p m t kh i th ng m i ông Á đ a vào “ASEAN+3” (g m Trung Qu c, Nh t B n và Hàn Qu c và 10 n c ASEAN) c th ai nghén và thúc y t nhi u n m nay b i ASEAN và các n c liên quan. c bi t, g n ây, Nh t B n ã xu t xây d ng i tác Kinh t Chi n l c ông Á nh m m c tiêu xây d ng m t th a thu n m u d ch t do gi a ASEAN, Ô-xtrây-li-a, Trung Qu c, n , Nh t B n, Hàn Qu c và Niu Di-lân. Song hành v i các ý t ng nói trên, M và Xinh-ga-po c ng ang thúc y Hi p nh Kinh t chi n l c xuyên Thái Bình D ng (TPP).

**Th t** , h p tác và liên k t kinh t trong APEC góp ph n t o l p c s cho vi c hình thành FTAAP.

APEC c thành l p t n m 1989 v i m c tiêu thúc y h p tác và liên k t kinh t gi a các n n kinh t thành viên. APEC ho t ng trên ba tr c t chính là: T do hóa th ng m i và u t , thu n l i hóa th ng m i và u t , h p tác kinh t - k thu t. Trong ba tr c t này, t do

<sup>38</sup> B Ngo i giao và Th ng m i Ô-x-trây-li-a, *The APEC Region Trade and Investment 2009*, Canberra tháng 10/2009, trang 148-151.

hóa th ng m i và u t là m c tiêu hàng u và hai tr c t còn l i mang tính b tr cho tr c t th nh t. N m 1994, t i Bô-go (In- ô-nê-xi-a) các nhà lãnh o APEC ã thông qua m c tiêu th c hi n t do hóa th ng m i và u t thông qua vi c xoá b d n các rào c n i v i th ng m i và u t vào n m 2010 i v i các n n kinh t phát tri n và vào n m 2020 i v i các n n kinh t ang phát tri n (g i là m c tiêu Bô-go). Sau ó, t i H i ngh c p cao Ô-sa-ka (Nh t B n) n m 1995, APEC thông qua các bi n pháp c th th c hi n các m c tiêu ra, ó là các K ho ch hành ng riêng c a m i thành viên (IAP), K ho ch hành ng t p th (CAP) và Sáng ki n t nguy n t do hóa s m i v i ngành (EVSL).

Tuy nhiên, sáng ki n EVSL ã ch t y u, sau khi n ra cu c kh ng ho ng tài chính t i n t châu Á n m 1997. i v i nhi u nhà quan sát, th t b i c a sáng ki n EVSL th hi n hai h n ch c a t i n trình t do hóa trong APEC: *M t là*, APEC không phù h p v i các àm phán chính th c v cam k t t do hóa th ng m i; *Hai là*, h u h t các n n kinh t phát tri n trong APEC u ng h ki u t do hóa không phân bi t i x nh ng có i u ki n, trong ó y u t có i có l i óng vai trò quan tr ng, trong khi ó, nguyên t c t nguy n, không ràng bu c c a APEC khó có th ngay l p t c chuy n thành các cam k t có i có l i. i u này ng ý r ng b n thân t i n trình APEC ít có kh n ng tr thành ng l c cho t do hóa th ng m i tr khi các thành viên ch p nh n các àm phán d a trên nguyên t c có i có l i ho c các cam k t ràng bu c.

N m 2005, APEC ã hoàn thành rà soát gi a k quá trình th c hi n m c tiêu Bô-go c a các thành viên và ra L trình Bu-san, trong ó a ra nh ng bi n pháp c n thi t nh m c g ng th c hi n m c tiêu Bô-go úng th i h n. Các IAP c a thành viên và vi c ki m i m gi a k cho th y APEC ang i úng h ng trong vi c hoàn thành các m c tiêu Bô-go. H i n nay, Nh t B n, Ch t ch APEC 2010, ang cùng v i In- ô-nê-xi-a ch trì so n th o B n k ho ch ánh giá vi c th c hi n m c tiêu Bô-go c a các n n kinh t thành viên phát tri n vào n m 2010. Có nhi u ý ki n khác nhau và trái chi u v vi c làm th nào ánh giá vi c th c hi n m c tiêu Bô-go. M t s h c gi cho r ng Bô-go là m c tiêu tr u t ng, do v y khó có th ánh giá c vi c th c hi n. H i ng H p tác Kinh t Thái Bình D ng (PECC) và H i ng T v n Kinh doanh APEC (ABAC) cho r ng APEC khó có th th c hi n m c tiêu Bô-go vào úng th i h n u tiên là n m 2010.<sup>39</sup> Nghiên c u v kh n ng phát tri n FTAAP c a các chuyên gia Trung Qu c và Niu Di-lân cho r ng FTAAP hay các xu t liên quan n h i nh p kinh t khu v c ph i phù h p và b sung cho m c tiêu Bô-go. Nói m t cách khác, FTAAP là b c c th hóa h n m c tiêu Bô-go. Vi c xem xét và nghiên c u FTAAP s thúc y các n n kinh t thành viên cân nh c các b c tri n khai phù h p t c m c tiêu Bô-go.<sup>40</sup> Là m t cách có th th c hi n h i nh p kinh t khu v c sâu h n, FTAAP có th c xem là m t m c tiêu h u hình, kh thi c a m c tiêu Bô-go. M c dù trong APEC, r t nhi u ý ki n ánh giá FTAAP là kh thi, song c ng không ít thành viên v n coi FTAAP là m c tiêu dài h n và ch nên bàn sau n m 2020.

### **III. Tri n v ng hình thành FTAAP**

FTAAP có ra i c hay không, b ng cách nào và bao gi , ó là câu h i không d dàng, ph thu c ch y u vào s nh n th c c a các n c trong khu v c v l i ích/b t l i mà nó mang

<sup>39</sup> Xem Tuyên b c a H i ng H p tác Kinh t Thái Bình D ng (PECC statement) t i H i ngh các Quan ch c p cao APEC l n th 2 tháng 5/2005.

<sup>40</sup> Ngu n: "Preliminary Inventory of Issues Related to a Possible Free Trade Area of the Asia Pacific", Xinh-ga-po, ngày 18 tháng 7 n m 2009.

li (tác ng), ch tr ng chính sách và các n l c mà các n c khu v c s tri n khai trong t ng lai.

### **1. Tác ng c a FTAAP**

Ý t ng FTAAP c nhi u nhà nghiên c u và gi i ch c APEC ánh giá là sáng ki n t t nh m thúc y liên k t kinh t trong khu v c châu Á - Thái Bình D ng. N u c thành l p thì FTAAP s v t qua NAFTA tr thành khu v c m u d ch t do l n nh t th gi i trên m i ph ng di n,<sup>41</sup> và nh v y s có tác ng l n n khu v c và t t c các n c ây c ng nh h th ng th ng m i toàn c u. Bài vi t này ch y u c p n tác ng v m t kinh t c a FTAAP.

#### *Tác ng i v i các n n kinh t thành viên APEC*

FTAAP s có tác ng m nh n th ng m i gi a các thành viên APEC. Nghiên c u c a ABAC ã ch ra r ng FTAAP khi c hình thành s a l i nhi u l ích cho các n c ông Á, th m chí còn g p ba l n l ích kinh t mà h thu c t các hi p nh FTA v i ASEAN.<sup>42</sup> Nhìn chung, nh ng l ích kinh t c n b n mà FTAAP s mang l i cho các thành viên g m:

- Làm gi m chi phí giao d ch th ng m i thông qua m t b nguyên t c xu t x chung, kh c ph c hi u ng c a vi c có quá nhi u nguyên t c xu t x trong các th a thu n m u d ch khu v c và song ph ng hi n nay t i châu Á - Thái Bình D ng.

- Thúc y th ng m i gi a các thành viên thông qua xoá b các rào c n th ng m i. Nhóm Nghiên c u FTAAP g m các chuyên gia t m t s n n kinh t thành viên APEC ch ra r ng: (i) T do hóa th ng m i s giúp làm t ng thêm giá tr trao i th ng m i gi a các thành viên t 48 t USD n 114 t USD; (ii) các bi n pháp t o thu n l i hoá th ng m i thông qua vi c gi m thêm 5% chi phí giao d ch th ng m i s giúp làm t ng thêm t 256 lên 504 t USD; (iii) T do hóa th ng m i d ch v thông qua gi m rào c n th ng m i thêm 10% góp ph n làm t ng thêm t 271 lên 527 t USD; (iv) chu n hoá các quy nh v ngu ng c xu t x s giúp làm t ng hi u ng t o thu n l i th ng m i lên 32 %.<sup>43</sup>

- Góp ph n thúc y t ng tr ng kinh t t i các n c thành viên. Không ch thúc y trao i th ng m i, FTAAP còn góp ph n thúc y các lu ng v n u t l n nhau gi a các thành viên và gi a khu v c v i bên ngoài thông qua lo i b các rào c n và giúp c i thi n môi tr ng u t , kinh doanh c a m i n c t ng s c h p d n. H n n a, qua FTAAP, các m i quan h h p tác kinh t k thu t, chuy n giao công ngh , du l ch, h p tác ào t o ngu n nhân l c... gi a các n n kinh t thành viên trong khu v c s ngày càng c t ng c ng.

Nh v y, nh ng l ích c n b n mà các n c thành viên có th thu c t FTAAP trong t ng lai là không nh , song k t qu khai thác th nào i v i m i thành viên s tu thu c vào n ng l c và n l c c th c a h . Bên c nh ó, các thành viên, c bi t là các n n kinh t ang

<sup>41</sup> JETRO, *Liên k t kinh t ông Á và Quan h M - Nh t*, Báo cáo c bi t n m 2007, trang 3.

<sup>42</sup> ABAC, *Báo cáo nghiên c u v hi u qu kinh t c a FTAAP*, n m 2008, trang 26.

<sup>43</sup> B Ngo i giao, V H p tác Kinh t a ph ng, *Tri n v ng xây d ng khu v c m u d ch t do châu Á-Thái Bình D ng và ki n ngh ch tr ng i v i Vi t Nam*, Báo cáo tài nghiên c u nghi m thu tháng 12/2009, trang 65.



phát triển, sự phiếm tính và thách thức của tiến trình toàn diện và cao hơn khi FTAAP được thi hành.

*Tác động của FTAAP*

Có ba luận quan điểm đánh giá khác nhau về tác động của FTAAP đối với APEC.

Một luận quan điểm ủng hộ PECC cho rằng FTAAP sẽ hình thành tiêu chuẩn chính diện của APEC. Hơn nữa, sự phân tán của FTAAP sẽ gây ra sự chia rẽ trong APEC, nhất là khi một số nền kinh tế thành viên APEC quyết định không tham gia FTAAP. Thậm chí, ngay cả khi tất cả các thành viên nhất trí tham gia, thì quá trình đàm phán cũng sẽ làm chia rẽ. Tiến trình APEC hiện nay là không phù hợp với tiến trình đàm phán FTAAP. Bởi vì, về bản chất, FTAAP sẽ bao gồm những quy định mang tính ràng buộc về mặt pháp lý và phân biệt đối xử với các nền kinh tế không thuộc APEC. Điều này mâu thuẫn với nguyên tắc cơ bản của APEC là tự nguyện, không ràng buộc và mở. Chính những nguyên tắc này đã tạo ra sự khác biệt và đặc sắc của Diễn đàn. Do đó, theo FTAAP sẽ vi phạm các nguyên tắc cơ bản của APEC và điều này có thể dẫn đến sự thay thế của APEC.

Tuy nhiên, luận quan điểm thứ hai lại cho rằng việc thi hành FTAAP sẽ làm tăng cường sự quan tâm của các nước thành viên APEC có thể chuyển thành diễn đàn hữu ích cho đàm phán hiệp định FTAAP. Hơn nữa, theo quan điểm này, diễn đàn APEC tồn tại và chuyển đổi sẽ thích ứng với những thách thức mang tính toàn cầu cũng như sự hội tụ trong hợp tác đa diện, thì APEC cần chuyển đổi nguyên tắc tự nguyện, không ràng buộc sang cách tiếp cận mang tính ràng buộc.

Luận quan điểm thứ ba dung hoà hai quan điểm trái ngược trên. Những người theo quan điểm này chỉ trích rằng APEC tiếp tục phát triển với các nguyên tắc cơ bản hiện nay và FTAAP sẽ là tiến trình độc lập riêng. Cách tiếp cận này đang khuyến khích các thành viên APEC xem xét tích cực hơn.

*Tác động của FTAAP đối với các nền kinh tế ngoài APEC*

FTAAP sẽ hình thành sự tạo ra sự phân biệt đối xử đối với các nền kinh tế này. Đây là mối quan ngại lớn của họ. Bởi vì, các thành viên ASEAN (Lào, Campuchia và Mi-anma) hiện nay chưa tham gia APEC, và trong tương lai nếu không tham gia FTAAP, sẽ gánh chịu bất lợi lớn, do những tác động tiêu cực của sự chuyển hướng thương mại khi các thành viên ASEAN tham gia vào FTAAP gia tăng các hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút FDI, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể sẽ làm gia tăng sự khác biệt trong ASEAN và làm giảm sự "cạnh tranh" giữa các thành viên.

*Tác động của FTAAP đối với những thách thức:*

Nghiên cứu của ABAC đã chỉ ra rằng các nền kinh tế APEC tiếp tục lợi ích về kinh tế do Hiệp định FTAAP mang lại thấp hơn khoảng 20% so với lợi ích mà WTO mang lại những

cam kết mở cửa thị trường do hóa thương mại khi kết thúc vòng đàm phán ô-ha. Như vậy, có thể nói thúc đẩy vòng đàm phán ô-ha kết thúc thành công là một tiêu chuẩn của các nền kinh tế.

Nhiều chuyên gia cho rằng vì các thị trường FTAAP có thể tạo ra lợi ích thúc đẩy các nền kinh tế trong và ngoài APEC cam kết mở cửa thị trường hoàn toàn vòng đàm phán ô-ha. Hơn nữa, FTAAP sẽ đóng vai trò là nền tảng thúc đẩy việc mở cửa thị trường toàn cầu mạnh mẽ.<sup>44</sup> Tuy nhiên, một số thành viên của diễn đàn thương mại PECC lại cho rằng do mất lòng tin vào WTO, nên các nền kinh tế APEC mới xu hướng đàm phán FTAAP. Do đó, nếu rút vào FTAAP sẽ làm sôi mòn niềm tin vào lợi ích mà WTO mang lại cho các nền kinh tế thành viên và có thể góp phần làm cho vòng đàm phán ô-ha bế tắc hơn.

## **2. Quan hệ giữa các nền kinh tế liên quan và FTAAP**

Cho đến nay, ý tưởng FTAAP đã được các nhà lãnh đạo APEC ghi nhận nhưng là một khả năng lựa chọn trong tương lai của APEC và tiếp tục được nghiên cứu, thảo luận từ các diễn đàn của APEC, nhưng các thành viên APEC còn có quan điểm khác nhau về nội dung và vai trò của FTAAP, đặc biệt về tác động của nó đối với tiến trình hợp tác trong APEC và vị trí của các thành viên, cách thức tiến hành và lộ trình thực hiện cũng như ưu tiên thu hút nội dung, phạm vi và mức độ mở cửa thị trường. Nhìn chung, có ba nhóm quan điểm chính như sau:

Nhóm thứ nhất là nhóm, cho rằng sáng kiến có tính khả thi cao và mục tiêu rõ ràng. Nhóm này gồm có Mỹ, Xinh-ga-po, Đài Loan, Hồng Kông.

Nhóm thứ hai cho rằng ý tưởng tốt, có tính khả thi và lợi ích là hàng đầu trong dài hạn. Nhóm này gồm Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, các nước Mỹ Latinh, Nga.

Nhóm thứ ba thận trọng, e ngại FTAAP có những tác động tiêu cực, mục tiêu nghiên cứu không thêm nhiều khía cạnh trừu tượng. Nhóm này có Trung Quốc và một số thành viên khác thuộc ASEAN.

Do vậy, chúng ta sẽ xem xét các thành tố quan trọng của những thách thức:

### **M**

Năm 2004, khi ý tưởng về FTAAP được đưa ra, Mỹ là một trong những thành viên không đồng ý. Trong Hội nghị cấp cao APEC 14 năm 2006 tại Hà Nội, Mỹ trở thành một trong số các quốc gia ưu tiên đưa FTAAP vào chương trình nghị sự chính thức của Hội nghị cấp cao APEC và đã tích cực đấu tranh, vận động đưa vào Tuyên bố của Hội nghị cấp cao APEC 2006 nói về FTAAP. Từ năm 2006 tới nay, Mỹ tiếp tục thúc đẩy FTAAP. Chính quyền Obama coi việc tham gia thỏa thuận hiệp định xuyên Thái Bình Dương (TPP) như là một bước khởi đầu hàng đầu trong thỏa thuận mở cửa thị trường do cho toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mặc dù vẫn còn một chặng đường dài để tiến tới mục tiêu. “Mục tiêu hàng đầu của các hiệp định APEC trong thỏa thuận hiệp định xuyên Thái Bình Dương”.<sup>45</sup>

<sup>44</sup> JETRO 2007, East Asia Economic Integration and US-Japan Relations, special report tr. 10.

<sup>45</sup> Tuyên bố của diễn đàn Thương mại Mỹ - Ron Kirk tại diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Xinh-ga-po tháng 11 năm 2009.

S i u ch nh thái và ch tr ng c a M v FTAAP t ch không ng h chuy n sang ng h và tích c c thúc y có th c lý gi i nh sau:

*Th nh t*, s i u ch nh này n m trong chi u h ng i u ch nh chính sách th ng m i chung c a M t gi a nh ng n m 2000, t ch u tiên thúc y t do hóa th ng m i toàn c u (thông qua vòng àm phán ô-ha trong khuôn kh WTO) chuy n sang t p trung thúc y các th a thu n FTA khu v c và song ph ng. ây là m t l a ch n mang tính th c d ng h n tr c b i c nh b t c kéo dài c a vòng àm phán ô-ha và xu h ng bùng n các th a thu n FTA khu v c và song ph ng trên th gi i, c bi t là t i khu v c châu Á - Thái Bình D ng.

*Th hai*, châu Á - Thái Bình D ng là khu v c h t s c quan tr ng i v i l i ích c a M và luôn luôn chi m v trí tr ng tâm trong chính sách i ngo i c a các chính quy n M trong nhi u th p k qua. Tr c xu h ng phát tri n r t m nh c a khu v c hóa t i ông Á, ông Nam Á và c châu Á - Thái Bình D ng trong nh ng n m g n ây, M không th c ng ngoài ho c ch ng l i mà bu c ph i i u ch nh chính sách không b “ch m chân” và “g t ra ngoài”. Chính quy n Obama ch tr ng t ng c ng các quan h c a M v i khu v c châu Á - Thái Bình D ng và phát huy vai trò, nh h ng c a M t i khu v c. Tháng 11 v a qua, T ng th ng Obama ã tuyên b t i Tô-ky-ô r ng “M s c ng c quan h v i các ng minh c , xây d ng quan h v i các i tác m i, tham gia các n l c a ph ng và các th ch khu v c nh m thúc y an ninh, th nh v ng trong khu v c”<sup>46</sup>. Nh v y, vi c ng h và thúc y l p FTAAP không nh ng giúp t ng c ng quan h c a M v i các n c trong khu v c, ph c v các m c tiêu chi n l c c a M v chính tr và an ninh trên ph m vi khu v c và toàn c u, mà xét v góc kinh t còn t o i u ki n M t c nhi u l i ích t vi c m c a toàn di n th tr ng c a các n n kinh t trong khu v c, trong ó, có c nh ng n n kinh t n ng ng nh t th gi i.

### **Trung Qu c**

Ngay t u và cho n nay, Trung Qu c v n t ra không m n mà v i ý t ng thành l p FTAAP. T i h i ngh c p cao APEC 17 Xinh-ga-po tháng 11/2009, Trung Qu c không ng h ngh c a ABAC v xây d ng th i gian bi u cho vi c hình thành FTAAP. Trung Qu c cho r ng FTAAP có th làm suy gi m n l c c a vòng àm phán ô-ha, trì hoãn các cam k t c a APEC hoàn thành th c hi n m c tiêu Bô-go vào n m 2010 i v i các thành viên phát tri n và FTAAP không phù h p v i b n ch t h p tác c a APEC.<sup>47</sup> Tuy nhiên, theo ánh giá c a m t s nhà phân tích, Trung Qu c không “m n mà” v i FTAAP là do m t s nguyên nhân chính tr và kinh t . V chính tr , Trung Qu c s b t l i n u M và các n c phát tri n khác s d ng FTAAP nh m t b i n pháp làm sói mòn quá trình liên k t kinh t khu v c t i ông Á và nh m xác l p nh h ng c a M i v i toàn b t i n trình khu v c hoá châu Á - Thái Bình D ng. Bên c nh ó, n u c thành l p, FTAAP s bao g m c ài Loan (vì ài Loan hi n là thành viên APEC), và nh v y, s t o cho ài Loan m t v th m i trong c ch a ph ng này. V kinh t , cho n nay, các th a thu n th ng m i qu c t mà Trung Qu c tham gia c b n ch a ph i là các hi p nh m u d ch t do ch t l ng cao, trong khi FTAAP s là m t hi p nh m u d ch t

<sup>46</sup> Nguyễn Hòa, “V i l i ích c a chính M và c khu v c”, *Vietnamnet*, ngày 14/11/2009.

<sup>47</sup> T i n s Shen Bin, Trung tâm nghiên c u APEC, Tr ng i h c Nankai cho r ng “M t s quan ch c Trung Qu c lo ng i vi c kh i ng FTAAP s có th làm các n n kinh t phát tri n APEC b t chú tâm trong vi c th c hi n m c tiêu Bô-go ho c trì hoãn th i h n th c hi n”. Ngu n: V H p tác Kinh t a ph ng B Ngo i giao, *Tri n v ng xây d ng khu v c m u d ch t do châu Á - Thái Bình D ng và k i n ngh ch tr ng i sách c a V i t Nam*, tài nghiên c u c p c s nghi m thu tháng 12/2009, tr. 44.

do chi tiêu cao (có mặt do hóa cao và phạm vi rộng, giảm những lĩnh vực nhạy cảm  
tại Việt Nam).

### **Nga**

Nga chấp nhận hình phạt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tham gia tất cả các hoạt động của khu vực này.<sup>48</sup> Trên cơ sở đó, Nga cho rằng FTAAP là ý tưởng tốt và đáng  
nó. Tuy nhiên, Nga cũng cho rằng do các nền kinh tế thành viên có sự khác nhau về trình  
phát triển và hợp tác hiện nay trong APEC trên cơ sở tự nguyện và tự nguyện, nên cần nghiên  
cứu kỹ cách thức tiến hành và thực hiện FTAAP.

### **Nhật Bản, Hàn Quốc**

Cả hai nước cho rằng FTAAP có tính khả thi cao tại Việt Nam và APEC về dài hạn. Hàn Quốc  
là một trong những nước đi đầu nghiên cứu về tính khả thi của những hiệp định có thể của  
FTAAP tại Việt Nam các nền kinh tế trong khu vực. Riêng Nhật Bản, ban đầu họ cũng có cách tiếp  
cận thận trọng tại Việt Nam xuất FTAAP. Tuy nhiên, sau đó họ đã nhanh chóng thay đổi ý tưởng  
này. Sự đồng ý vì Nhật Bản nhận thấy FTAAP phù hợp với mục tiêu chính sách của mình và  
giúp đem lại lợi ích cho Nhật Bản một khu vực mở rộng chi tiêu cao mà họ có thể đạt được  
cũng như lợi ích cho châu Á - Thái Bình Dương, một khu vực có ý nghĩa chiến lược còn lại  
tại Việt Nam.

### **Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Ca-na-đa**

Bản của này ủng hộ ý tưởng xây dựng FTAAP, cho rằng FTAAP có tính khả thi cao tại  
Việt Nam và có thể là một tiêu chí phát triển của APEC trong dài hạn. Họ cũng cho rằng do ý  
tưởng này mang lại lợi ích cho tất cả các nước, nên APEC cần tiếp tục nghiên cứu các tác động của FTAAP  
tại Việt Nam thành viên và khuyến khích các nước khác.

Riêng Ô-xtrây-li-a ủng hộ FTAAP rất mạnh mẽ và cho rằng có hiệu quả và tránh trùng  
lặp với WTO, FTAAP cần tập trung hơn vào các biện pháp thúc đẩy tự do hóa thương mại và  
du lịch, đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp và hàng hóa trên các thị trường. Họ cũng  
ánh giá cao Hiệp định hợp tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), coi đây là sự tiếp diễn  
của ý tưởng FTAAP và là lợi ích phát triển của APEC trong thời gian tới. Ô-xtrây-li-a cũng ủng hộ theo  
theo hướng tiếp cận mang tính trung lập và phi chính phủ hóa khu vực và Việt Nam xuất của Thủ tướng Kevin  
Rudd về việc xây dựng Cộng đồng châu Á - Thái Bình Dương (APC), một khuôn khổ hợp tác -  
liên kết toàn diện về chính trị, an ninh và kinh tế cho toàn khu vực.

### **ASEAN**

Bây giờ thành viên ASEAN trong APEC không có quan tâm chung. Trong khi Xinh-ga-  
po ủng hộ mạnh mẽ, sự còn lại rất mờ nhạt, thậm chí chủ yếu của ASEAN sẽ cam kết theo hướng  
FTAAP. Phần lớn các nước này cho rằng do trong khu vực hiện nay đã có các thỏa thuận FTA giữa  
ASEAN với các nước Đông Bắc Á (ACFTA, AJFTA, AKFTA), nên FTAAP có thể coi là dự án  
dài hạn và cần bàn vào năm 2020, sau khi APEC đã hoàn thành mục tiêu Bô-go. Mặt khác,

---

<sup>48</sup> Phát biểu của Tổng thống Nga tại buổi nói chuyện với sinh viên trường Đại học Tổng hợp vùng Viễn Đông Nga,  
tháng 12 năm 2008.

châu Á - Thái Bình Dương là khu vực riêng lẻ nhưng mức độ phát triển khác nhau, nên việc xây dựng FTAAP đòi hỏi phải có thời gian. Hơn nữa, cần xem xét kỹ FTAAP vì đây là cơ chế liên kết mang tính ràng buộc cao trong khi APEC chỉ là cơ chế hợp tác lỏng lẻo, tự nguyện và không ràng buộc.

### **Các nền kinh tế Nam M**

Nhìn chung những liên kết kinh tế và kết nối khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Do đó, các nền kinh tế này cần nâng cao FTAAP và coi đây là ý tưởng tốt và mang tính khả thi cao. Tuy nhiên do có sự khác biệt về trình độ kinh tế và phát triển giữa các nền kinh tế thành viên APEC nên FTAAP sẽ chỉ khả thi nếu là mục tiêu dài hạn của APEC.

### **3. Nội dung FTAAP**

Cách thức nào nên có để FTAAP có thể vận hành mà APEC đang nghiên cứu và thảo luận. Hội nghị các nhà lãnh đạo Kinh tế APEC lần thứ 17 tại Xinh-ga-po tháng 11/2009 đã nhất trí tiến hành nghiên cứu trong năm 2010 các biện pháp, hình thức khả thi để nâng cao xây dựng FTAAP. Hiện nay, có ba khả năng (khả năng) tiềm năng FTAAP đang cần được nghiên cứu. Đó là: (i) Hội nhập các thỏa thuận thương mại (FTA/RTA) hiện tại trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; (ii) Phát triển các Thỏa thuận thương mại với quy mô đa lý và mức cam kết rộng rãi như Hiệp định Tác động Kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership Agreement - TPP); và (iii) Đàm phán một FTAAP mới.

### **Hội nhập các FTA/RTA hiện có**

Từ năm 2008, APEC đã tiến hành một số nghiên cứu về khả năng hội nhập và mở rộng các FTA/RTA hiện có trong khu vực bao quát cả châu Á - Thái Bình Dương. Các nghiên cứu này đã chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt của các FTA/RTA, đó góp phần làm rõ hơn về những biện pháp khả thi để các FTAAP có thể thúc đẩy các FTA/RTA có quy mô lớn hơn. Kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy trong một số lĩnh vực quan trọng, ví dụ như: tiếp cận thị trường, dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, an ninh kinh tế và các rào cản kỹ thuật đối với thương mại, các biện pháp phù hợp để thương mại, các RTA/FTA vẫn còn có những điểm tương đồng. Tuy nhiên, trong lĩnh vực như quy tắc xuất xứ và một số lĩnh vực mang tính nhạy cảm như chính sách cạnh tranh, môi trường, lao động thì còn nhiều sự khác biệt giữa các RTA/FTA hiện hành. Do đó, việc hội nhập các FTA/RTA có thể là một trong những cách thức để xây dựng FTAAP, song cần thêm nhiều thời gian để thảo luận và hội nhập những thỏa thuận, hài hòa hóa các cam kết còn khác biệt.

### **Mở rộng RTA/FTA trở thành FTAAP**

Đây là nội dung FTAAP dựa trên cách tiếp cận xây dựng các khối liên kết kinh tế cơ bản (building blocks) làm cơ sở mở rộng và nâng cao FTAAP trong tương lai. Với quy mô đa dạng của FTAAP, những khối liên kết kinh tế này cần phải là các thỏa thuận thương mại tốt nhất hiện có, áp dụng các tiêu chí cơ bản như: mang tính mở rộng và khuyến khích các nền kinh tế, có khả năng thu hút sự tham gia của các nền kinh tế trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó bao gồm cả những nước đang phát triển và các nước đang phát triển; mang tính toàn diện, bao quát tất cả các lĩnh vực có liên quan đến thương mại.

Vì những tiêu chí ban đầu nêu trên, Hiệp định tác kinh tế chỉ n l c xuyên Thái Bình D ng (TPP) - hi n ang trong quá trình àm phán - c coi là m t th a thu n khu v c m u d ch t do có nhi u ti m n ng m r ng h ng t i FTAAP.

### **àm phán m t hi p nh FTAAP hoàn toàn m i t u**

Các phân tích ban đầu nh n nh r ng ph ng án này có tính kh thi không cao và s g p nhi u khó kh n, lý do tr c h t và c ng r t then ch t là tính ch t chính tr ph c t p liên quan n s tham gia c a m t s thành viên nh ài Loan, H ng Kông. Bên c nh ó là s ph c t p c a các v n s àm phán, trong ó có nhi u v n nh y c m i v i m t b ph n thành viên, nh ng l i không ph i là nh y c m i v i nh ng thành viên khác. Sau cùng là yêu c u ch t l ng cao c a FTAAP, trong b i c nh có nhi u i tác r t khác bi t nhau trên nhi u ph ng di n cùng tham gia àm phán, c bi t là các i tác kh ng l nh M , Trung Qu c, Nh t, Nga - v n có nhi u l i ích và quan i m i ch i nhau - khi n cho quá trình àm phán s h t s c khó kh n và kéo dài, tiêu t n nhi u ngu n l c c a t t c các bên.

Nh v y, n th i i m này có th th y r ng APEC nhìn chung ánh giá tích c c ý t ng FTAAP, ghi nh n nó nh là m t s l a ch n trong t ng lai dài h n và ang tí p t c nghiên c u k h n các khía c nh, c bi t là các cách th c có th t t i FTAAP. Quan i m c a các thành viên APEC v nhi u v n c th c a FTAAP hi n c ng còn nhi u khác bi t. Trong vài n m t i, nhi u kh n ng APEC ch a th i n m t quy t nh v s l a ch n con ng c th nào i n FTAAP. Trong b i c nh nh v y, tỉ n trình h p tác APEC s tí p t c chỉ u h ng c b n hi n nay song hành v i các tỉ n trình h p tác, liên k t kinh t hi n có và ang c hình thành thêm t i khu v c châu Á - Thái Bình D ng. Ý t ng FTAAP s còn tí p t c c nghiên c u, th o lu n sâu r ng h n n a không ch t i các di n àn APEC mà c nhi u n i khác trong các n c khu v c châu Á - Thái Bình D ng và trên th gi i.